

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám chuyên khoa Phụ sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, số 005, Phố Xuân trường, Phường Hợp giang, Thành phố Cao Bằng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ CAO BẰNG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 85/CB-GPHĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Cao Bằng cấp cho Phòng khám chuyên khoa phụ sản thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, số 005, phố Xuân trường, Phường Hợp giang, Thành phố Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 13/TTr-KSBT ngày 13/02/2019 về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật tại Phòng khám chuyên khoa Phụ sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, số 005, Phố Xuân trường, Phường Hợp giang, Thành phố Cao Bằng và đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ y – Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám chuyên khoa Phụ sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, số 005, Phố Xuân trường, Phường Hợp giang, Thành phố Cao Bằng kèm theo Quyết định này (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng có nhiệm vụ đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Trưởng các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng và Phòng khám chuyên khoa Phụ sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, số 005, Phố Xuân trường, Phường Hợp giang, Thành phố Cao Bằng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Giám đốc Sở Y tế;
 - Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
 - Lưu: VT, NVY.
-] gửi bản pdf



GIÁM ĐỐC

Nông Tuấn Phong

UBND TỈNH CAO BẰNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH MỤC**

Chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh Phòng khám chuyên khoa Phụ sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng, số 005,

Phố Xuân trường, Phường Hợp giang, Thành phố Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 730/QĐ-SYT

ngày 25/ 02/2019 của Sở Y tế Cao Bằng)

STT	Thứ tự theo Thông tư 43/2013/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
1	2	3	4			
XII. UNG BƯỚU						
K. VÚ - PHỤ KHOA						
1	278	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x	
2	279	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
XIII. PHỤ SẢN						
A. SẢN KHOA						
3	23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x	
4	30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
5	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x
6	41	Khám thai	x	x	x	x
7	48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	x	x	
8	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	x	x	
9	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x	
10	51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x	
11	52	Khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
12	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
13	54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
14	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	
B. PHỤ KHOA						
15	142	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	x	x		
16	143	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
17	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
18	147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
19	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
20	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
21	151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	

Ghi chú: Cột 4A là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 1 (tuyến Trung ương); cột 4B là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 2 (tuyến tỉnh); cột 4C là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 3 (tuyến huyện); cột 4D là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 4 (tuyến xã).

STT	Thứ tự theo Thông tư 43/2013/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
22	152	Bóc nang tuyến Bartholin	X	X	X	
23	153	Trích rạch màng trinh do ú máu kinh	X	X	X	
24	154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	X	X	X	
25	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	X	X	X	
26	156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	X	X	X	
27	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	X	X	X	
28	158	Nạo hút thai trứng	X	X	X	
29	163	Chích áp xe vú	X	X	X	
30	164	Khám nam khoa	X	X	X	
31	165	Khám phụ khoa	X	X	X	X
32	166	Soi cổ tử cung	X	X	X	X
33	167	Làm thuốc âm đạo	X	X	X	X
D. HỖ TRỢ SINH SẢN						
34	219	Lọc rửa tinh trùng	X	X	X	
35	220	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung	X	X	X	
Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH						
36	224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	X	X	X	
37	225	Cây-tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	X	X	X	
38	226	Cây-tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	X	X	X	
39	227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	X	X	X	
40	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	X	X	X	X
E. PHÁ THAI						
41	237	Hút thai dưới siêu âm	X	X		
42	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	X	X	X	
43	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	X	X	X	
44	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	X	X	X	X
XVIII. ĐIỆN QUANG						
A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN						
45	18	Siêu âm tử cung phần phụ	X	X	X	
46	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	X	X	X	
47	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	X	X		
48	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	X	X		
49	27	Siêu âm 3D/4D khối u	X	X		
50	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	X	X		
4. Siêu âm sản phụ khoa						
51	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	X	X	X	
52	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	X	X	X	
53	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	X	X		

Ghi chú: Cột 4A là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 1 (tuyến Trung ương); cột 4B là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 2 (tuyến tỉnh); cột 4C là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 3 (tuyến huyện); cột 4D là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 4 (tuyến xã).

STT	Thứ tự theo Thông tư 43/2013/TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
54	33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x	x		
55	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
56	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
57	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
58	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
59	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		
60	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
61	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
62	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
63	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
		6. Siêu âm vú				
64	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
65	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
		7. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
66	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên	x	x		
67	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
68	59	Siêu âm dương vật	x	x		

Ghi chú: Cột 4A là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 1 (tuyến Trung ương); cột 4B là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 2 (tuyến tỉnh); cột 4C là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 3 (tuyến huyện); cột 4D là các kỹ thuật thực hiện tại tuyến 4 (tuyến xã).